

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 506/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Ông Lê Văn Phú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 592/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 624/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1981

Cư trú: Số 321, ấp HB 2, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1977.

Cư trú: Số 321, ấp HB 2, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà T có mặt, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông D tự tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 23/6/2000. Sau khi kết hôn về chung sống tại ấp HB 2, cuộc sống tuy vất vả nhưng cũng được xem là hạnh phúc.

Sống chung với nhau đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng không thể hàn gắn được nữa. Nguyên nhân là hai vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm trong cách nhìn nhận cuộc sống hai vợ chồng tranh cãi. Ông D đi làm ăn xa không liên lạc với vợ con, bà nhiều lần liên hệ nhưng ông không có trách nhiệm, bỏ mặc bà chăm lo gia đình. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà quyết định ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hoàng An K, sinh ngày: 24/7/2000 và Phạm Thị Cẩm M, sinh ngày 08/9/2005, hiện cháu K trưởng thành, cháu M do bà T chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Nguyễn Văn D theo quy định nhưng ông không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà T – ông D để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Theo văn bản ghi nhận ý kiến của cháu Phạm Thị Cẩm M trình bày: Cháu là con ruột của bà T và ông D, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cháu đã nghỉ học ở nhà phụ mẹ buôn bán. Trong quá trình chung sống cha mẹ thường xuyên tranh cãi, hiện nay không còn chung sống nữa nên mẹ quyết định xin ly hôn.

Chứng cứ do Tòa án thu thập được:

Theo biên bản xác minh ngày 25/11/2020 ông Đoàn Văn C – Trưởng ấp HB 2 cho biết: Hiện ông Nguyễn Văn D không có mặt ở địa phương do đi làm ăn xa, thỉnh

thoảng vào dịp lễ tết mới về thăm gia đình. Tuy nhiên hộ khẩu của ông D vẫn ở tại ấp HB 2, xã Đ quản lý.

Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2020 ông Nguyễn Bảo Q – anh ruột của bà T cho biết: Nguyên nhân bà T xin ly hôn như thế nào thì ông không rõ nhưng ông thấy ông D đi làm ăn nhưng mấy năm liền không về nhà, vợ con điện thoại thì không nghe máy. Bà T ở nhà chăm lo con nhỏ, mua bán chăm lo gia đình nội ngoại hai bên. Khi ông D về bà T có hỏi nguyên nhân thì hai vợ chồng xảy ra tranh cãi. Ông bà đã không còn chung sống nhiều năm nay. Gia đình hai bên biết chuyện có hàn gắn nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa, bà T có mặt bảo lưu ý kiến. Riêng ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, ghi lời khai, thu thập chứng cứ ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn D. Ông D hiện cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa, ông D vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 23/6/2000 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông D, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian bà T và ông D đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2016 đến nay, bản thân bà T thừa nhận nhiều lần hai vợ chồng xảy ra tranh cãi được hai bên gia đình hàn gắn nhưng ông bà vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau, ông D nhiều năm nay không về thăm gia đình và trong thời gian ly thân không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm, bà nhận thấy không có khả năng quay về chung sống nên bà xin ly hôn.

Quá trình tố tụng, Toà án đã tiến hành hoà giải để các đương sự tự thoả thuận tìm cách giải quyết nhưng ông D vắng mặt nên xem như đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên toà bà T không đồng ý đoàn tụ. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, các bên đã không thực hiện trọn vẹn nghĩa vụ vợ chồng với nhau nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T trình bày có 02 con chung tên Phạm Hoàng An K, sinh ngày: 24/7/2000 và Phạm Thị Cẩm M, sinh ngày 08/9/2005, lời khai trên phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 97 ngày 03/8/2000 và số 643 ngày 26/10/2005 của Ủy ban nhân dân xã Đ, hiện cháu K trưởng thành, cháu M do bà T chăm sóc.

Xét yêu cầu về con chung sau khi ly hôn của bà T được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn Hội đồng xét thấy: Từ khi ly thân đến nay cháu M được bà T chăm sóc, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu M có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà T, cháu M là con gái đang tuổi phát triển cần sự chăm sóc và dạy bảo từ mẹ.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy cần tiếp tục giao cháu M cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 23/6/2000 của UBND xã Đ mang tên ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thị Cẩm M, sinh ngày 08/9/2005, công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004801 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã Đ, AP, AG;
- Các đương sự;- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bảo